

Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ

V, ngày 03 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Tạ Ngọc Ch**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại UBND xã A, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017. Quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo anh Ch là do chị L lấy chồng nhưng không muốn sống ở nhà chồng, chỉ muốn sống ở nhà bố mẹ đẻ, anh góp ý, chị L không nghe, vợ chồng xảy ra cãi vã và đến nay tình cảm không còn; về phía chị L cho rằng sau khi sinh con, sức khỏe chị yếu, công ty nơi chị làm gần nhà bố mẹ đẻ chị nên chị đưa con về đó ở là để tiện nhờ bên ngoại chăm sóc nhưng anh Ch lại không đồng ý. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được hai bên

gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh Ch, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm và cách sống, anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Việc ly hôn anh chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L có một con chung là Tạ Phương L1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Ly hôn, vì con còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, do đó, anh Ch, chị L thống nhất giao con L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con L1 cùng chị L số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2020 đến khi con L1 đủ 18 tuổi. Thỏa thuận trên của anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về chia tài sản chung: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tạ Phương L1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018. Anh Tạ Ngọc Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Tạ Phương L1 cùng chị Lê Thị L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 tháng

(một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2020 đến khi con Tạ Phương L1 đủ 18 tuổi.

1.2.2. Anh Tạ Ngọc Ch có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

1.3. Về chia tài sản chung: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tạ Ngọc Ch và chị Lê Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Ch, chị L đã nộp tạm ứng tại các Biên lai số 0009903, 0009907, đều ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã A, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 31/2017, ngày 23 tháng 11 năm 2017);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương

